



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1179/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH BAYER VIỆT NAM
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BAYER VIỆT NAM
- Địa chỉ : Lô 118/4, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
- Người lấy mẫu : Nguyễn Giáp Thạch, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Quốc Phương Hoài, Tạ Tiến Lập
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 16/06/2025
- Thời gian phân tích : 16/06/2025 – 23/06/2025
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA

GIÁM ĐỐC



ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 10/10/2019
Trang: 1/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1179/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH KHÍ THẢI
(Mã số mẫu: 250616002_KT01-08)

Vị trí đo	Lưu lượng (Nm ³ /h)	Bụi (mg/Nm ³)
KT01	1.752	20
KT02	1.021	18
KT03	1.190	25
KT04	6.160	24
KT05	6.230	22
KT06	3.209	20
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (C _{max} =C _x K _{px} K _v)	-	108
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	US EPA Method 02	US EPA Method 5

Vị trí đo	Lưu lượng (Nm ³ /h)	Toluen [#] (mg/Nm ³)	Xylen [#] (mg/Nm ³)	Benzene [#] (mg/Nm ³)	Metanol [#] (mg/Nm ³)	Etyl benzene [#] (mg/Nm ³)	Cyclohexanon [#] (mg/Nm ³)
KT07	2.299	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)
KT08	3.158	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)
QCVN 20:2009/BTNMT	-	750	870	5	260	870	400
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	US EPA Method 02	PD CEN/TS 13649	PD CEN/TS 13649	PD CEN/TS 13649	US EPA Method 308	PD CEN/TS 13649	PD CEN/TS 13649:2014

Ghi chú:

- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú – Vimcerts 292)
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải Công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
C_{max}: nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³).
C: nồng độ bụi và các chất vô cơ qui định ở mục 2.2 QCVN 19:2009/BTNMT
K_v=0,6 hệ số vùng: theo phụ lục 02 quy định phân vùng môi trường không khí để tiếp nhận nguồn khí thải công nghiệp (ban hành đính kèm theo quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 09/06/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai).
K_P=0,9: hệ số lưu lượng nguồn thải 20.000 < P ≤ 100.000m³/h.
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 10/10/2019
Trang: 2/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1179/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2025

- KPH: Không phát hiện;
- MDL: Ngưỡng phát hiện.

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KT01: Khí thải dòng khí thải số 01: Ống phát thải hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nhập liệu line 2K (X= 1209756m, Y= 405799 m, theo tọa độ VN2000)
- KT02: Khí thải dòng khí thải số 02: Ống phát thải hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nhập liệu line 10K (X= 1209755 m, Y= 405800 m, theo tọa độ VN2000)
- KT03: Khí thải dòng khí thải số 03: Ống phát thải hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nhập liệu line 20K (X= 1209755 m, Y= 405806 m, theo tọa độ VN2000)
- KT04: Khí thải dòng khí thải số 04: Ống phát thải hệ thống xử lý bụi tại công đoạn đóng gói line 3/17/18K (X= 1209782 m, Y= 405800 m, theo tọa độ VN2000)
- KT05: Khí thải dòng khí thải số 05: Ống phát thải hệ thống xử lý bụi tại công đoạn đóng gói line 2/10/20K (X= 1209750 m, Y= 405803 m, theo tọa độ VN2000)
- KT06: Khí thải dòng khí thải số 06: Ống phát thải hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nhập liệu và đóng gói xưởng HAH (X= 1209702 m, Y= 405768 m, theo tọa độ VN2000)
- KT07: Khí thải dòng khí thải số 07: Ống phát thải hệ thống xử lý hơi hóa chất công suất 4.000 m³/h tại công đoạn khuấy trộn và sang chai thuốc trừ cỏ dạng lỏng (Herbicide) (X= 1209688 m, Y= 405817 m, theo tọa độ VN2000)
- KT08: Khí thải dòng khí thải số 08: Ống thoát khí thải hệ thống xử lý hơi hóa chất tại công suất 4.000 m³/h tại công đoạn khuấy trộn và sang chai thuốc khác và phân bón (Non- herbicide) (X= 1209689 m, Y= 405820 m, theo tọa độ VN2000)

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 10/10/2019
Trang: 3/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1180/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH BAYER VIỆT NAM
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BAYER VIỆT NAM
3. Địa chỉ : Lô 118/4, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Giáp Thạch, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Quốc Phương Hoài, Tạ Tiến Lập
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 16/06/2025
7. Thời gian phân tích : 16/06/2025 – 23/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA



ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/2

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1180/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
(Mã số mẫu: 250616002_NT01-03)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata	Phương pháp đo đặc, phân tích
			NT01	NT02	NT03		
1	pH	-	7,11	7,06	6,85	6 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS*	mg/L	16	12	22	200	TCVN 6625:2000
3	COD	mg/L	78	65	188	800 ⁽¹⁾	SMEWW 5220C:2023
4	BOD ₅ *	mg/L	33	27	78	500	TCVN 6001-1:2021
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/L	9,3	10,7	17,9	70 ⁽¹⁾	TCVN 5988:1995
6	Tổng Nitơ*	mg/L	17,5	20,6	25,3	80 ⁽¹⁾	TCVN 6638:2000
7	Tổng phospho*	mg/L	1,89	1,35	2,34	6	SMEWW 4500-P. B&D:2023
8	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	2,3	5	SMEWW 5520B&F:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận.
- (1): Giới hạn theo thoả thuận phụ lục hợp đồng giữa KCN Amata và công ty TNHH Bayer Việt Nam ngày 01 tháng 10 năm 2017.

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước thải TCVN 5999: 1995 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- NT01: Nước thải tại điểm đầu nối số 1 (đường số 2A) (X= 1209829 m, Y= 405812 m, theo tọa độ VN2000)
- NT02: Nước thải tại điểm đầu nối số 2 (đường số 4 – điểm 1) (X= 1209786 m, Y= 405902 m, theo tọa độ VN2000)
- NT03: Nước thải tại điểm đầu nối số 3 (đường số 4 – điểm 2) (X= 1209757 m, Y= 405907 m, theo tọa độ VN2000)

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 02/05/2019
Trang: 2/2